

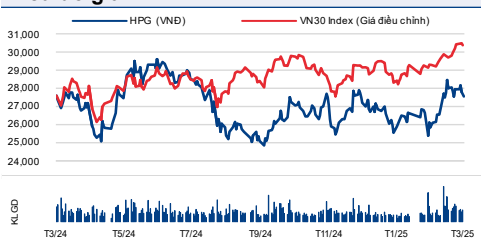
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ36,800
Tiềm năng tăng/giảm: 33.6%

Giá cổ phiếu (đồng) (14/3/2025)	27,550
Mã Bloomberg	HPG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	24,850-29,600
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	27,830
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	176,217
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	6,906
Sig CP lưu hành (tr.đv)	6,396
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	3,134
Sig CP NN được mua (tr.đv)	1,700
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	22.4%
Tỷ lệ freefloat	54.1%
Cổ đông lớn	Trần Đình Long (26.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	118,953	136,719	169,992
EBITDA đc (tỷ đồng)	16,443	21,154	29,230
LNTT (tỷ đồng)	7,793	13,624	17,799
LNT ĐC (tỷ đồng)	6,493	11,463	15,390
FCF (tỷ đồng)	(7,881)	(23,712)	(15,725)
EPS ĐC (đồng)	1,117	1,792	2,406
DPS (đồng)	0	500	1,000
BVPS (đồng)	17,674	18,266	20,173
T.trưởng EBITDA (%)	(17.3)	28.7	38.2
T.trưởng EPS ĐC (%)	(19.4)	60.5	34.3
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	100
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	13.8	15.5	17.2
Tỷ suất LNTT (%)	6.55	9.96	10.5
Tỷ suất LNT ĐC (%)	5.75	8.83	9.53
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	26.5	39.5
Nợ thuần/VCSH (%)	52.4	60.3	61.3
ROAE (%)	6.88	11.0	13.2
ROACE (%)	8.62	11.0	12.9
EV/doanh thu (lần)	1.61	1.69	1.40
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.6	10.9	8.12
P/E ĐC (lần)	24.7	15.4	11.4
P/B (lần)	1.56	1.51	1.37
Lợi suất cổ tức (%)	0	1.81	3.63

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Hòa Phát là Tập đoàn sản xuất công nghiệp hàng đầu Việt Nam với bốn mảng kinh doanh chính bao gồm: Thép xây dựng, Ống thép & Tôn, Bất động sản & Khu công nghiệp và Nông nghiệp.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

EU: Không áp thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm HRC của HPG

- Vào ngày 14/3/2025, Ủy ban Châu Âu đã đề xuất áp dụng thuế CBPG tạm thời từ 6,9% đến 33,0% đối với các sản phẩm HRC nhập khẩu từ Ai Cập, Nhật Bản và Việt Nam (trừ HPG), bắt đầu từ ngày 7/4.
- Nếu các mức thuế tạm thời trở thành chính thức (dự kiến vào ngày 7/10), các sản phẩm HRC của HPG sẽ có lợi thế đáng kể so với các đối thủ cạnh tranh trên thị trường EU, mặc dù quy định bảo hộ hiện tại đang giới hạn lượng nhập khẩu từ "các quốc gia khác" ở mức khoảng 111.379 tấn/quý (giảm 19,7% so với quý trước) kể từ ngày 1/4.
- Thông tin này có tác động tích cực đến HPG, thúc đẩy cả cơ hội xuất khẩu sang EU và nhu cầu HRC trong nước. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào đối với HPG với giá mục tiêu 36.800đ.

Sự kiện: EU công bố thuế CBPG tạm thời đối với HRC

Vào ngày 14/3, Ủy ban Châu Âu đã đề xuất áp dụng thuế CBPG tạm thời đối với sản phẩm HRC nhập khẩu từ Ai Cập, Nhật Bản và Việt Nam. Chi tiết như sau:

Kết quả rất có lợi cho HPG khi không bị áp thuế CBPG

Cuộc điều tra CBPG đối với các sản phẩm HRC nhập khẩu từ Ai Cập, Nhật Bản, Việt Nam và Ấn Độ đã được khởi động từ ngày 8/8/2024. Trong năm 2024, Ai Cập, Nhật Bản và Việt Nam đã xuất khẩu tổng cộng 2,2 triệu tấn HRC sang EU, chiếm 25% tổng lượng nhập khẩu. Ai Cập, Nhật Bản, Việt Nam lần lượt xuất khẩu 694.000, 860.000, 727.000 tấn HRC sang EU. Trong khi đó, Ấn Độ đã xuất khẩu 1,2 triệu tấn HRC sang EU trong năm 2024.

Kết quả sơ bộ từ cuộc điều tra CBPG của EU cho thấy không có hành vi bán phá giá đối với các sản phẩm HRC nhập khẩu từ Ấn Độ. Tuy nhiên, EU đã áp thuế CBPG tạm thời đối với HRC từ Ai Cập, Nhật Bản và Việt Nam với mức thuế dao động từ 6,9% đến 33,0%, bắt đầu từ ngày 7/4 (Bảng 1). Đối với Việt Nam, sản phẩm của Formosa sẽ chịu mức thuế 12,1%, trong khi không có thuế tạm thời nào được đề xuất đối với sản phẩm nhập khẩu từ HPG.

Nếu các mức thuế tạm thời trở thành chính thức, dự kiến vào ngày 7/10, đây sẽ là một lợi thế rất lớn cho HPG trong việc nối lại hoạt động xuất khẩu HRC sang EU vì EU là một trong những thị trường xuất khẩu lớn nhất sản phẩm HRC của HPG. Đặc biệt, các doanh nghiệp hạ nguồn (sản xuất tôn mạ và ống thép) sử dụng HRC của HPG sẽ có cơ hội xuất khẩu sang EU mà không phải lo ngại về xuất xứ và vấn đề bán phá giá nguyên liệu.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 16/3.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Thuế CBPG tạm thời của EU đối với HRC

HRC của HPG không phải chịu thuế

Quốc gia	Công ty	Thuế CBPG tạm thời
Việt Nam	Formosa Hà Tĩnh	12.1%
	Tập đoàn Hòa Phát	Không có bằng chứng về việc bán phá giá
Nhật Bản	Tokyo Steel	6.9%
	Các công ty khác	32.0-33.0%
Ai Cập	Tất cả các công ty	15.6%
Ấn Độ	Tất cả các công ty	Không có bằng chứng về việc bán phá giá

Nguồn: EC, HSC

EU thiết lập hạn ngạch bảo hộ mới đối với HRC nhập khẩu

Ủy ban Châu Âu cũng đã đề xuất hạn ngạch bảo hộ mới cho sản phẩm HRC nhập khẩu. Theo đó, mức trần hạn ngạch HRC nhập khẩu từ nhóm “các quốc gia khác” mỗi quý sẽ giảm xuống còn 13% từ mức 15% trước đó, có hiệu lực từ ngày 1/4/2025 đến ngày 30/6/2026.

Vì Việt Nam thuộc nhóm “các quốc gia khác”, hạn ngạch nhập khẩu mới được đề xuất từ ngày 1/4 đến ngày 30/6 sẽ giảm xuống còn 856.769 tấn, so với 925.106 tấn trong quý trước, tương đương mức giảm 7,4% theo quý. Theo đề xuất mới, hạn ngạch nhập khẩu HRC tối đa của mỗi quốc gia (bao gồm cả Việt Nam) trong nhóm “các quốc gia khác” sẽ là 111.379 tấn, giảm 19,7% theo quý. Nếu mức trần hiện tại được duy trì đến ngày 30/6/2026, tổng lượng HRC của Việt Nam xuất khẩu sang EU trong năm 2025 sẽ vào khoảng 472.904 tấn.

Đây là thông tin tích cực, nhất là khi so sánh với đợt xuất khẩu HRC cao điểm của HPG sang EU trong năm 2023 ở mức khoảng 350.000 tấn, chiếm 30% tổng lượng xuất khẩu HRC của Công ty, tăng mạnh từ mức 0% trong năm 2022 (Bảng 2). Do cuộc điều tra CBPG đối với HRC của EU bắt đầu từ đầu tháng 8/2024, xuất khẩu HRC của HPG sang EU ước tính đã giảm 36% so với cùng kỳ xuống chỉ còn 225.177 tấn, chiếm 25% tổng lượng xuất khẩu HRC của HPG.

Sản lượng xuất khẩu HRC của HPG sẽ tăng trưởng trở lại trong năm 2025

Với việc HRC không bị áp thuế CBPG tại EU, HPG có thể nhanh chóng nối lại xuất khẩu sang EU, trùng với thời điểm Công ty bổ sung công suất HRC mới trong năm nay. Dựa trên giả định của chúng tôi về hạn ngạch bảo hộ đối với HRC của Việt Nam trong năm 2025, tổng lượng xuất khẩu HRC tối đa của Việt Nam sang EU có thể đạt 472.904 tấn. HSC cũng giả định rằng HPG sẽ chiếm 60% hạn ngạch này trong năm 2025 nhờ lợi thế không bị áp thuế CBPG so với Formosa. Điều này sẽ giúp sản lượng HRC mà HPG xuất khẩu sang EU đạt khoảng 283.742 tấn, chiếm 23% tổng lượng xuất khẩu HRC của HPG trong năm nay.

Cho cả năm 2025, với công suất HRC mới được bổ sung (tăng 2,8 triệu tấn/năm đạt 5,8 triệu tấn/năm vào năm 2025), chúng tôi dự báo HPG sẽ bán ra tổng cộng 4,7 triệu tấn HRC, tăng 60% so với năm trước. Trong đó, sản lượng xuất khẩu HRC của HPG dự báo tăng trưởng 30% đạt 1,26 triệu tấn.

Triển vọng tích cực cho thị trường HRC tại Việt Nam

Thị trường HRC tại Việt Nam đã chịu nhiều áp lực trong sáu tháng qua do các yếu tố sau: (1) các cuộc điều tra CBPG tại EU và Ấn Độ, (2) HRC Trung Quốc bị bán phá giá mà chưa có biện pháp bảo hộ và (3) những lo ngại về nhu cầu yếu trong khi HPG tiếp tục mở rộng công suất với DQSC Phân kỳ 2. Những diễn biến mới sau đây đã giúp giải tỏa lo ngại về thị trường HRC Việt Nam:

- Ấn Độ đã chấm dứt cuộc điều tra CBPG đối với HRC Việt Nam do Việt Nam không áp thuế CBPG tạm thời đối với HRC nhập khẩu từ Ấn Độ.
- EU chính thức công bố mức thuế CBPG tạm thời 0% đối với HRC của HPG vào ngày 14/3, giải quyết mối lo ngại lớn của thị trường.
- Việt Nam đã áp dụng thuế CBPG tạm thời đối với HRC Trung Quốc từ ngày 8/3, giúp hạn chế ảnh hưởng của hoạt động bán phá giá.
- Mỹ đã dỡ bỏ thuế nhập khẩu thép 25% cho tất cả các quốc gia, không có ngoại lệ, mang lại lợi thế cạnh tranh cho các sản phẩm thép Việt Nam trước đây phải chịu các loại thuế này từ tháng 3/2018. Bên cạnh đó, đợt tăng giá gần đây của HRC tại Mỹ sau khi chính sách thuế thay đổi cũng mang đến cơ hội để HPG mở rộng xuất khẩu HRC sang thị trường Mỹ.
- Lưu ý, hiện tại, không có bất kỳ cuộc điều tra nào đang chờ xử lý hoặc đang diễn ra liên quan đến HRC của Việt Nam hay HRC của HPG.

Nhờ những diễn biến tích cực này, HSC có quan điểm rất tích cực về nhu cầu đối với sản phẩm HRC của Việt Nam, đặc biệt là HRC của HPG, nhờ môi trường pháp lý thuận lợi trong nước và trên thị trường quốc tế.

Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào đối với HPG với giá mục tiêu không đổi là 36.800đ (tiềm năng tăng giá 34%). HPG đang giao dịch với P/E trượt dư phóng 1 năm là 10,8 lần, rẻ hơn so với bình quân 3 năm ở mức 15,2 lần, với triển vọng lợi nhuận tốt và lợi nhuận thuần dự báo tăng trưởng với tốc độ CAGR 3 năm đạt 36%.

Bảng 2: Sản lượng HRC xuất khẩu vào EU, Việt Nam và HPG

HPG đã giảm sản lượng xuất khẩu vào EU kể từ T8/2024 khi cuộc điều tra CBPG bắt đầu

Tấn	2022	2023	2024	2025F
Tổng sản lượng HRC xuất khẩu của Việt Nam sang EU	406,045	1,154,436	727,000	472,904
Sản lượng HRC xuất khẩu của HPG sang EU (*)	0	350,000	225,177	283,742
Tổng sản lượng xuất khẩu HRC của HPG	82,198	1,164,233	898,744	1,258,242
Tỷ trọng HRC xuất khẩu vào EU/tổng HRC xuất khẩu	0%	30%	25%	23%

(*) Ghi chú: HSC ước tính
Nguồn: EC, VSA, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	141,409	118,953	136,719	169,992	210,935
Lợi nhuận gộp	16,763	12,938	18,650	25,454	32,571
Chi phí BH&QL	(3,685)	(3,269)	(4,170)	(4,930)	(5,906)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	13,078	9,669	14,480	20,525	26,665
Lãi vay thuần	(3,283)	(2,018)	(1,335)	(2,811)	(4,020)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(1.07)	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	129	142	479	85.0	105
LN TT	9,923	7,793	13,624	17,799	22,750
Chi phí thuế TNDN	(1,479)	(992)	(1,560)	(1,602)	(1,820)
Lợi ích cổ đông thiểu số	39.1	34.7	2.37	3.18	4.11
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	8,484	6,835	12,066	16,200	20,935
Lợi nhuận thuần ĐC	8,059	6,493	11,463	15,390	19,888
EBITDA ĐC	19,893	16,443	21,154	29,230	37,539
EPS (đồng)	1,459	1,175	1,886	2,533	3,273
EPS ĐC (đồng)	1,386	1,117	1,792	2,406	3,109
DPS (đồng)	0	0	500	1,000	1,500
Sig CP bình quân (triệu đv)	5,815	5,815	6,396	6,396	6,396
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	5,815	5,815	6,396	6,396	6,396
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	5,815	5,815	6,396	6,396	6,396

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	8,325	12,267	9,384	16,611	13,890
Đầu tư ngắn hạn	26,268	22,162	15,039	16,999	21,094
Phải thu khách hàng	9,893	10,702	10,938	15,299	21,094
Hàng tồn kho	34,491	34,504	39,648	50,148	63,281
Các tài sản ngắn hạn khác	1,538	3,081	6,836	8,500	10,547
Tổng tài sản ngắn hạn	80,515	82,716	81,845	107,557	129,905
TSCĐ hữu hình	83,562	97,886	127,089	134,971	123,250
TSCĐ vô hình	634	211	208	229	252
Bất động sản đầu tư	629	594	567	538	506
Đầu tư dài hạn	0	40.0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0.70	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	4,995	6,335	7,152	8,019	9,930
Tổng tài sản dài hạn	89,821	105,066	135,017	143,758	133,938
Tổng cộng tài sản	170,336	187,783	216,861	251,314	263,842
Nợ ngắn hạn	46,749	54,982	54,688	59,497	63,281
Phải trả người bán	11,107	12,387	10,938	16,999	21,094
Nợ ngắn hạn khác	3,020	2,457	2,266	2,312	2,486
Tổng nợ ngắn hạn	62,385	71,513	69,830	81,219	89,852
Nợ dài hạn	11,152	10,399	24,306	35,179	25,585
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	31.2	30.0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	597	2,948	5,825	5,827	5,828
Tổng nợ dài hạn	11,780	13,378	30,131	41,006	31,413
Tổng nợ phải trả	74,223	84,946	99,961	122,225	121,266
Vốn chủ sở hữu	96,007	102,771	116,837	129,029	142,520
Lợi ích cổ đông thiểu số	106	65.8	63.4	60.2	56.1
Tổng vốn chủ sở hữu	96,113	102,836	116,900	129,089	142,577
Tổng nợ phải trả và VCSH	170,336	187,783	216,861	251,314	263,842
BVPS (đ)	16,511	17,674	18,266	20,173	22,282
Nợ thuần*/(tiền mặt)	49,576	53,114	69,610	78,065	74,975

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	13,078	9,669	14,480	20,525	26,665
Khấu hao	(6,814)	(6,773)	(6,674)	(8,705)	(10,874)
Lãi vay thuần	(3,283)	(2,018)	(1,335)	(2,811)	(4,020)
Thuế TNDN đã nộp	(1,242)	(560)	(1,560)	(1,602)	(1,820)
Thay đổi vốn lưu động	(5,765)	(6,243)	(7,588)	(26,504)	(30,535)
Khác	(3,777)	(3,753)	(2,085)	(3,731)	(5,095)
LCT thuần từ HKKD	12,192	9,472	12,135	854	4,928
Đầu tư TS dài hạn	(17,966)	(17,353)	(35,847)	(16,579)	856
Góp vốn & đầu tư	(53,800)	(38,417)	7,026	(1,993)	(4,135)
Thanh lý	47,055	42,969	111	159	135
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(24,712)	(12,801)	(28,711)	(18,413)	(3,145)
Cổ tức trả cho CSH	(2,247)	(8.01)	(3,198)	(6,396)	(9,594)
Thu từ phát hành CP	4.08	(1.64)	0	0	0
Tăng/giảm nợ	626	7,283	16,890	31,183	5,090
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(1,617)	7,273	13,692	24,787	(4,505)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	22,471	8,325	12,267	9,384	16,611
LCT thuần trong kỳ	(14,137)	3,944	(2,884)	7,227	(2,721)
Ảnh hưởng của tỷ giá	(9.64)	(0.73)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	8,325	12,267	9,384	16,611	13,890
Dòng tiền tự do	(5,774)	(7,881)	(23,712)	(15,725)	5,784

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	11.9	10.9	13.6	15.0	15.4
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	14.1	13.8	15.5	17.2	17.8
Tỷ suất LNT (%)	6.00	5.75	8.83	9.53	9.92
Thuế TNDN hiện hành (%)	14.9	12.7	11.4	9.00	8.00
Tăng trưởng doanh thu (%)	(5.53)	(15.9)	14.9	24.3	24.1
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(54.5)	(17.3)	28.7	38.2	28.4
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(75.4)	(19.4)	76.5	34.3	29.2
Tăng trưởng EPS (%)	(81.1)	(19.4)	60.5	34.3	29.2
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(81.1)	(19.4)	60.5	34.3	29.2
Tăng trưởng DPS (%)	(100)	nm	nm	100	50.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	26.5	39.5	45.8
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	9.09	6.88	11.0	13.2	15.4
ROACE (%)	12.3	8.62	11.0	12.9	15.5
Vòng quay tài sản (lần)	0.81	0.66	0.68	0.73	0.82
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.93	0.98	0.84	0.04	0.18
Số ngày tồn kho	101	119	123	127	129
Số ngày phải thu	29.0	36.8	33.8	38.6	43.2
Số ngày phải trả	32.5	42.6	33.8	42.9	43.2
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	52.5	52.4	60.3	61.3	53.5
Nợ/tài sản (%)	34.5	35.2	36.8	38.1	34.2
EBIT/lãi vay (lần)	3.98	4.79	10.8	7.30	6.63
Nợ/EBITDA (lần)	2.95	4.02	3.77	3.28	2.40
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.29	1.16	1.17	1.32	1.45
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.30	1.61	1.69	1.40	1.09
EV/EBITDA ĐC (lần)	9.23	11.6	10.9	8.12	6.13
P/E (lần)	18.9	23.4	14.6	10.9	8.42
P/E ĐC (lần)	19.9	24.7	15.4	11.4	8.86
P/B (lần)	1.67	1.56	1.51	1.37	1.24
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	1.81	3.63	5.44

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn